

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
*Báo cáo của Hội đồng Quản trị*  
*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

**Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính**

Số chứng thực..... Quyển số.....SCT/BS  
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Phó Chủ Tịch UBND P.1, Q. Tân Bình



*Nguyễn Đình Nghị*



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### 8. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41) cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ- SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41)

### 9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



**Bùi Thị Thu Hương**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Số: 236/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

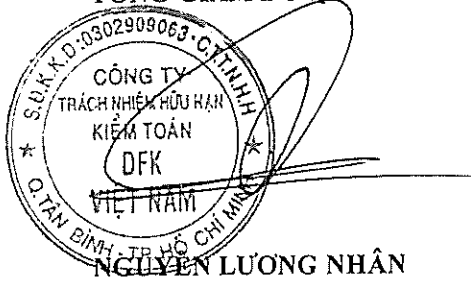
## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN LƯƠNG NHÂN**

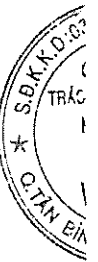
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LÊ ĐÌNH HUYỀN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>162.853.442.173</b>	<b>72.808.479.351</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>91.576.078.070</b>	<b>22.167.360.694</b>
1. Tiền	111		39.576.078.070	22.167.360.694
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.000.000.000	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>59.822.247.333</b>	<b>49.508.580.644</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	51.046.635.810	31.907.902.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	7.050.372.818	985.535.860
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.775.417.518	16.665.321.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(50.178.813)	(50.178.813)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>3.937.949</b>	<b>336.299</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.937.949	336.299
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>1.451.178.821</b>	<b>1.132.201.714</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	1.451.178.821	1.132.201.714
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>804.286.376.957</b>	<b>849.476.557.361</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>3.291.565.000</b>	<b>3.286.565.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	3.291.565.000	3.286.565.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>620.796.310.915</b>	<b>660.289.395.304</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	577.771.718.109	609.792.720.903
- Nguyên giá	222		774.447.194.557	766.110.376.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.675.476.448)	(156.317.655.795)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	37.379.364.608	42.892.330.324
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.472.293.591)	(21.959.327.875)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.645.228.198	7.604.344.077
- Nguyên giá	228		15.339.962.285	15.339.962.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.694.734.087)	(7.735.618.208)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>	V.09	<b>107.096.517.893</b>	<b>113.695.542.763</b>
1. Nguyên giá	231		143.178.724.287	143.178.724.287
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(36.082.206.394)	(29.483.181.524)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>4.130.258.591</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.130.258.591	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>68.971.724.558</b>	<b>72.205.054.294</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	66.584.188.632	69.817.518.368
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.387.535.926	2.387.535.926
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>967.139.819.130</b>	<b>922.235.036.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

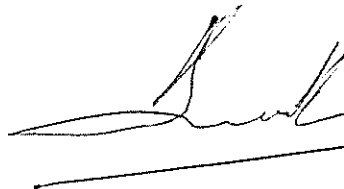
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>197.881.588.360</b>	<b>313.045.620.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.979.836.769</b>	<b>129.396.692.287</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8.573.716.970	4.594.629.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.510.883	35.818.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.586.869.174	18.188.996.291
4. Phải trả người lao động	314		25.925.015.494	7.754.464.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.746.957.261	3.406.712.402
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	6.752.373.970	7.138.132.078
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.458.697.295	1.485.830.485
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17c	17.806.253.880	86.690.666.686
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.441.842	101.441.842
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>125.901.751.591</b>	<b>183.648.928.277</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	13.600.000.000	20.200.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	9.763.200.920	7.995.144.479
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	63.929.080.449	61.888.740.699
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	38.609.470.222	93.565.043.099
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.19	<b>769.258.230.770</b>	<b>609.239.416.148</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>769.258.230.770</b>	<b>609.239.416.148</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		533.772.000.000	480.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		461.872.000.000	408.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		71.900.000.000	71.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.707.724.651	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.462.107.691	6.155.269.227
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.090.557.577	2.090.557.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		219.225.840.851	120.993.589.344
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.734.440.742
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		219.225.840.851	115.259.148.602
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>967.139.819.130</b>	<b>922.285.036.712</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

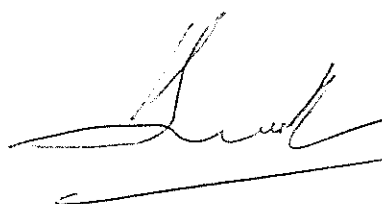
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	495.913.075.742	341.091.180.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		495.913.075.742	341.091.180.037
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	136.902.947.156	103.345.039.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		359.010.128.586	237.746.140.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.940.688.466	280.386.922
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	13.386.085.369	27.289.076.251
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính và lãi nợ chuyển đổi	23		12.562.296.191	22.674.608.658
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	70.295.239.952	50.604.292.285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		277.269.491.731	160.133.159.383
11. Thu nhập khác	31	VI.06	235.297.243	149.963.233
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.149.030.469	4.885.867.758
13. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(1.913.733.226)	(4.735.904.525)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		275.355.758.505	155.397.254.858
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	30.129.916.998	20.138.106.256
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		245.225.841.507	135.259.148.602
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	5.151	2.824
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	4.651	2.738

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư  
 Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 21 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

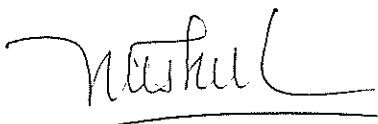
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>275.355.758.505</b>	<b>155.397.254.858</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	54.428.927.118	54.107.234.832
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	296.586.128	4.583.912.037
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.203.262.983)	(280.283.797)
Chi phí lãi vay	06	12.562.296.191	22.674.608.658
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>341.440.304.959</b>	<b>236.482.726.588</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(10.365.366.611)	(28.580.273.776)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(3.601.650)	(336.299)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.458.825.282	18.694.613.006
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	2.914.352.629	4.882.457.521
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.115.639.261)	(23.087.640.782)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.484.297.273)	(18.316.442.786)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.734.590.000)	(1.600.001.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>296.109.988.075</b>	<b>188.475.102.472</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.467.076.450)	(1.440.517.510)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.203.262.983	280.283.797
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(21.263.813.467)</b>	<b>(1.160.233.713)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.800.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	104.668.412.343
Tiền trả nợ gốc vay	34	(55.185.713.524)	(223.464.858.094)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(143.143.497.970)	(50.963.034.820)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(205.529.211.494)</b>	<b>(181.759.480.571)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>69.316.963.114</b>	<b>5.555.388.188</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.167.360.694	16.581.678.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	91.754.262	30.293.628
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>91.576.078.070</b>	<b>22.167.360.694</b>

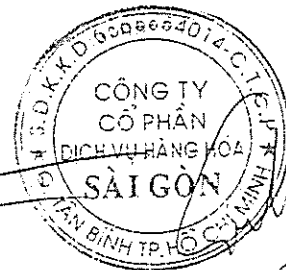
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

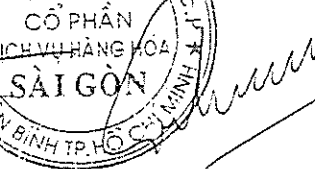


Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 02 năm 2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 533.772.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Saigon Cargo Service Corporation (Viết tắt: "SCSC").

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng - công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dạy nghề.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

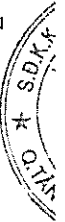
### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

#### 2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) được xác định là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

+ Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### Hợp đồng thuê tài chính

- Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

- Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

- Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

#### Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

- Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

- Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

- Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 45 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 12 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm
- Tài sản thuê tài chính	10 - 15 năm
- Nhà Văn phòng	10 - 45 năm
- Sân đậu máy bay	10 - 20 năm

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính
- Giá trị quyền khai thác khu đất
- Chi phí cải tạo, di dời văn phòng
- Phần chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính
- Các chi phí khác chờ phân bổ (chi phí bảo hiểm,...).

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.  
- Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".  
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trên báo cáo tài chính là doanh thu nhận trước bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn (quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu); phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị các cấu phần của nợ chuyển đổi được xác định như sau:

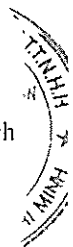
- Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi của khoản nợ) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản nợ tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của khoản nợ tương tự, Công ty sử dụng lãi suất đi vay được sử dụng trong phần lớn các giao dịch trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.
- Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ((trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112, chứng nhận lần đầu ngày 20/4/2009, các văn bản pháp lý và công văn trả lời từ các cơ quan có liên quan, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2015 đến 2023 (Năm 2016 là năm thứ hai Công ty được giảm 50%). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 21. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.959.758.927	1.525.452.946
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 36.616.319.143	20.641.907.748
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 52.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>91.576.078.070</b>	<b>22.167.360.694</b>

(1.1) Trong đó, bao gồm số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 402,679.56 USD tương đương với 9.148.879.603 đồng.

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 04 tháng tại Ngân hàng.	10.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Emirates Airlines	5.854.507.635	4.096.500.801
- Hongkong Airlines Ltd.	5.176.647.374	1.606.778.329
- Singapore Airlines Cargo Pte Ltd	2.093.664.949	1.848.371.743
- Thai Airways International Public Company Limited	2.429.611.187	1.071.227.163
- Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	5.482.852.694	5.213.398.778
- Văn phòng Bán vé Turkish Airlines Inc	2.218.836.248	503.239.018
- AHK Air Hong Kong Ltd	2.910.265.462	-
- Cathay Pacific Airways Ltd	2.498.222.081	-
- Các đối tượng khác	22.382.028.180	17.568.386.437
<b>Cộng</b>	<b>(*) 51.046.635.810</b>	<b>31.907.902.269</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động dịch vụ ga hàng hóa. Trong đó, bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 205,914.75 USD tương đương 4.678.383.120 đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	4.197.271.127	-
- Công ty TNHH Nhà thép Đức Thiện Long An	1.833.038.900	-
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	1.020.062.791	985.535.860
<b>Cộng</b>	<b>7.050.372.818</b>	<b>985.535.860</b>

5. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tạm ứng nhân viên	232.529.486	102.880.513
- Thuế GTGT chưa kê khai	276.674.030	22.689.241
- Phải thu thuế TNCN	174.466.617	337.833.450
- Phải thu liên quan đến cổ tức năm 2014 đã chi cho các cổ đông	-	15.963.034.820
- Cho nhân viên mượn	927.518.670	-
- Các khoản phải thu khác	164.228.715	238.883.304
<b>Cộng</b>	<b>1.775.417.518</b>	<b>16.665.321.328</b>

b) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng, thuê xe taxi	49.000.000	44.000.000
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	3.242.565.000
<b>Cộng</b>	<b>3.291.565.000</b>	<b>3.286.565.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.231.518.295	860.625.895
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính chờ phân bổ	-	50.180.667
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	136.458.934	221.395.152
- Chi phí cải tạo và di dời văn phòng	53.189.092	-
- Chi phí đồng phục 2016	30.012.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.451.178.821</b>	<b>1.132.201.714</b>
<b>b) Dài hạn</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	767.953.240	1.528.273.374
- Giá trị tiền thuê đất (*)	60.650.340.135	62.117.687.075
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	5.102.864.757	5.730.344.419
- Chi phí khác chờ phân bổ (chi phí bảo hiểm tài sản, bảo trì...)	63.030.500	441.213.500
<b>Cộng</b>	<b>66.584.188.632</b>	<b>69.817.518.368</b>

(\*) Giá trị của khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41), với tổng giá trị là 71.900.000.000 đồng theo giá quy định hiện hành của Nhà nước, ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Máy móc, thiết bị	61.058.712.000	-	-	61.058.712.000
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.792.946.199	-	-	3.792.946.199
<b>Cộng</b>	<b>64.851.658.199</b>	-	-	<b>64.851.658.199</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Máy móc, thiết bị	20.469.517.736	5.133.671.098	-	25.603.188.834
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.489.810.139	379.294.618	-	1.869.104.757
<b>Cộng</b>	<b>21.959.327.875</b>	<b>5.512.965.716</b>	-	<b>27.472.293.591</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Máy móc, thiết bị	40.589.194.264			35.455.523.166
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.303.136.060			1.923.841.442
<b>Cộng</b>	<b>42.892.330.324</b>			<b>37.379.364.608</b>

Điều khoản giá hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: thuyết minh tại mục V.17

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	456.636.074.801	699.393.495	-	457.335.468.296
Máy móc, thiết bị	237.103.974.533	517.596.000	-	237.621.570.533
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	39.332.711.425	6.906.486.364	-	46.239.197.789
Thiết bị, dụng cụ quản lý	28.504.396.828	213.342.000	-	28.717.738.828
TSCĐ khác	4.533.219.111	-	-	4.533.219.111
<b>Cộng</b>	<b>766.110.376.698</b>	<b>8.336.817.859</b>	-	<b>774.447.194.557</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	58.612.235.711	15.840.275.132	-	74.452.510.843
Máy móc, thiết bị	64.614.309.206	16.170.377.649	-	80.784.686.855
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.293.883.769	4.946.580.809	-	23.240.464.578
Thiết bị, dụng cụ quản lý	12.957.894.885	3.062.329.500	-	16.020.224.385
TSCĐ khác	1.839.332.224	338.257.563	-	2.177.589.787
<b>Cộng</b>	<b>156.317.655.795</b>	<b>40.357.820.653</b>	-	<b>196.675.476.448</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	398.023.839.090			382.882.957.453
Máy móc, thiết bị	172.489.665.327			156.836.883.678
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	21.038.827.656			22.998.733.211
Thiết bị, dụng cụ quản lý	15.546.501.943			12.697.514.443
TSCĐ khác	2.693.886.887			2.355.629.324
<b>Cộng</b>	<b>609.792.720.903</b>			<b>577.771.718.109</b>

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.677.686.847 đồng.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 160.120.763.447 đồng đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Bất động sản đầu tư (cho thuê)	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà Văn phòng	44.825.141.182	-	-	44.825.141.182
Sân đậu máy bay	98.353.583.105	-	-	98.353.583.105
<b>Cộng</b>	<b>143.178.724.287</b>	-	-	<b>143.178.724.287</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà Văn phòng	5.512.607.732	1.162.631.672	-	6.675.239.404
Sân đậu máy bay	23.970.573.792	5.436.393.198	-	29.406.966.990
<b>Cộng</b>	<b>29.483.181.524</b>	<b>6.599.024.870</b>	-	<b>36.082.206.394</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà Văn phòng	39.312.533.450			38.149.901.778
Sân đậu máy bay	74.383.009.313			68.946.616.115
<b>Cộng</b>	<b>113.695.542.763</b>			<b>107.096.517.893</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**10. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm)**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	15.339.962.285	-	-	15.339.962.285
Khấu hao lũy kế	<u>7.735.618.208</u>	1.959.115.879	-	<u>9.694.734.087</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b><u>7.604.344.077</u></b>			<b><u>5.645.228.198</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 230.175.998 đồng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thi công vách ngăn, hệ thống điện nước tầng 6 tòa nhà SCSC	4.113.353.591	-
- Chi phí khác	<u>16.905.000</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.130.258.591</u></b>	<b>-</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Tổng Công ty Càng Hàng không Việt Nam	3.530.433.362	3.530.433.362	2.429.027.625	2.429.027.625
- Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Hàng Hoá Sài Gòn	2.974.502.321	2.974.502.321	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Sao Xanh	693.239.129	693.239.129	725.933.010	725.933.010
- Các đối tượng khác	<u>1.375.542.158</u>	<u>1.375.542.158</u>	<u>1.439.669.025</u>	<u>1.439.669.025</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>8.573.716.970</u></b>	<b><u>8.573.716.970</u></b>	<b><u>4.594.629.660</u></b>	<b><u>4.594.629.660</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	2.749.008.372	26.887.141.699	27.187.549.268	2.448.600.803
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	817.995.300	817.995.300	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.017.294	1.017.294	-
- Thuế TNDN	15.176.009.140	30.129.916.998	38.484.297.273	6.821.628.865
- Thuế TNCN	263.978.779	3.656.959.309	3.604.298.582	316.639.506
- Thuế khác	-	108.798.174	108.798.174	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.188.996.291</u></b>	<b><u>61.601.828.774</u></b>	<b><u>70.203.955.891</u></b>	<b><u>9.586.869.174</u></b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	181.742.582	299.032.152
- Lãi nợ chuyển đổi	920.673.595	2.437.717.333
- Chi phí tư vấn nợ chuyển đổi	60.000.000	100.000.000
- Chi phí phải trả khác	<u>584.541.084</u>	<u>569.962.917</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.746.957.261</u></b>	<b><u>3.406.712.402</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>15. Doanh thu chưa thực hiện</b>				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Doanh thu nhận trước liên quan đến cho thuê văn phòng, ...	152.373.970	538.132.078		
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc Tổng Công ty Hàng không Miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần ngắn hạn)	6.600.000.000	6.600.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>6.752.373.970</b>	<b>7.138.132.078</b>		
<b>b) Dài hạn</b>				
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc Tổng Công ty Hàng không Miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần dài hạn)	13.600.000.000	20.200.000.000		
<b>16. Phải trả khác</b>				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Kinh phí công đoàn	85.112.620	411.044.603		
- Cổ tức còn phải trả	1.205.502.030	-		
- Các khoản phải trả khác	168.082.645	1.074.785.882		
<b>Cộng</b>	<b>1.458.697.295</b>	<b>1.485.830.485</b>		
<b>b) Dài hạn</b>				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.763.200.920	7.995.144.479		
<b>17. Vay và nợ thuê tài chính</b>	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) - Vay dài hạn	112.580.810.995	341.640.468	55.185.713.524	57.736.737.939
(b) - Nợ thuê tài chính	35.998.596.390	-	12.000.000.000	23.998.596.390
(c) - Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(74.690.666.686)			(5.806.253.880)
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(12.000.000.000)			(12.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>61.888.740.699</b>	<b>341.640.468</b>	<b>67.185.713.524</b>	<b>63.929.080.449</b>

(a) Vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sơ Giao dịch 2 theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 41.790.352.736 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng). Dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 699,709.75 USD tương đương 15.946.385.203 đồng. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 254,722.00 USD tương đương 5.806.253.880 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Chi tiết khoản nợ thuê tài chính:

	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 31/12/2015	Lãi thuê tài chính đã trả trong năm	Nợ thuê tài chính đã trả trong năm
- Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000	3.026.649.782	12.000.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	23.998.596.390		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.000.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>23.998.596.390</b>	<b>3.026.649.782</b>	<b>12.000.000.000</b>

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 31/12/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong năm	Nợ thuê tài chính đã trả trong năm
- Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000	2.267.392.972	12.000.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	11.998.596.390		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.000.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>11.998.596.390</b>	<b>2.267.392.972</b>	<b>12.000.000.000</b>

Nợ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

- Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2016 là 20.000.000.000 đồng. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2016 là 3.998.596.390 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.000.000.000 đồng.

18. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi):	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị gốc vay (*)	39.177.600.000	97.944.000.000
- Cấu phần vốn	(2.462.107.691)	(6.155.269.227)
- Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	1.913.422.357	1.845.756.770
- Chi phí phát hành nợ chuyển đổi	(100.000.000)	(100.000.000)
- Phân bổ chi phí phát hành nợ chuyển đổi trong kỳ	80.555.556	30.555.556
<b>Cộng</b>	<b>38.609.470.222</b>	<b>93.565.043.099</b>

Trái phiếu chuyển đổi là khoản nợ chuyển đổi theo các hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-01/4/2015 ngày 09/4/2015 và SCSC-02/4/2015 ngày 10/4/2015. Nợ chuyển đổi tại thời điểm cuối năm như sau:

- Kỳ hạn gốc: 24 tháng và kỳ hạn còn lại từng khoản nợ chuyển đổi: 4,5 tháng;

- Tổng giá trị khoản nợ chuyển đổi: 39.177.600.000 đồng (\*)

- Lãi suất của khoản nợ chuyển đổi: 4%/năm;

- Giá chuyển đổi: 12.000 đồng;

- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng khoản nợ chuyển đổi: 7,5%/năm;

Trong năm 2016, Công ty đã chuyển đổi 60% giá trị khoản nợ chuyển đổi tương ứng là 58.766.400.000 đồng thành cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phiếu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	-	-	480.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	6.155.269.227	-	6.155.269.227
Quỹ Đầu tư phát triển	1.104.557.577	986.000.000	-	2.090.557.577
LNST chưa phân phối	8.320.441.742	135.259.148.602	22.586.001.000	120.993.589.344
<b>Cộng</b>	<b>489.424.999.319</b>	<b>142.400.417.829</b>	<b>22.586.001.000</b>	<b>609.239.416.148</b>

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	53.772.000.000	-	533.772.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	11.707.724.651	-	11.707.724.651
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	6.155.269.227	-	3.693.161.536	2.462.107.691
Quỹ đầu tư phát triển	2.090.557.577	-	-	2.090.557.577
LNST chưa phân phối	120.993.589.344	245.225.841.507	146.993.590.000	219.225.840.851
<b>Cộng</b>	<b>609.239.416.148</b>	<b>310.705.566.158</b>	<b>150.686.751.536</b>	<b>769.258.230.770</b>

#### b) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Theo Đăng ký kinh doanh lần đầu		Vốn góp thực tế đến 31/12/2016	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
- Tổng Công ty cảng HK Việt Nam	75.000.000.000	25,00%	75.000.000.000	14,05%
- Công ty CP Gemadept	69.000.000.000	23,00%	184.416.400.000	34,55%
- Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41) (*)	72.000.000.000	24,00%	72.025.000.000	13,49%
- Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	11,00%	-	0,00%
- Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	9,00%	12.750.000.000	2,39%
- Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	8,00%	-	0,00%
- Công ty CP TM DV Đầu tư Sài Gòn				
Hàng Không			34.280.500.000	6,42%
- Các cổ đông khác			155.300.100.000	29,09%
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>533.772.000.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng giá trị của 14,3 ha đất tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyện, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008.

Trong năm tài chính này, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 480.000.000.000 đồng lên đến 533.772.000.000 đồng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 23/9/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c) <b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	31/12/2016	
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi và mệnh giá cổ phiếu phát hành	9.794.400.000	
- Giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi	1.913.324.651	
<b>Cộng</b>	<b>11.707.724.651</b>	
d) <b>Cổ phiếu</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.377.200	48.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.377.200	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	46.187.200	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.377.200	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	46.187.200	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
e) <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (01/01/2016)	120.993.589.344	
- Lợi nhuận phát sinh trong năm 2016	245.225.841.507	
- Chi cô tức năm 2014 và 2015 (29%)	(118.349.000.000)	
- Chi khen thưởng năm 2015	(2.644.590.000)	
- Phân phối một phần lợi nhuận năm 2016 cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (Thuyết minh tại Mục số 1 - Phần VII)	(26.000.000.000)	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm (31/12/2016)</b>	<b>219.225.840.851</b>	
f) <b>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</b> giảm trong kỳ do xác định lại phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa (1.779.836.885 đồng) và ghi nhận tăng thặng dư vốn cổ phần đối với phần nợ đã chuyển đổi thành cổ phiếu (1.913.324.651 đồng).		
<b>Ngoại tệ các loại:</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	402.679.56	125.265.48

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

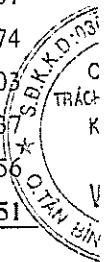
1. <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu khai thác nhà ga	455.236.267.193	302.608.380.038
- Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	6.985.427.032	6.997.780.475
- Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng, ... và các dịch vụ liên quan	33.440.591.803	31.040.104.904
- Doanh thu khác	250.789.714	444.914.620
<b>Cộng</b>	<b>495.913.075.742</b>	<b>341.091.180.037</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Giá vốn khai thác nhà ga	124.071.855.258	90.202.423.475
- Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	6.228.760.542	6.228.760.546
- Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	6.602.331.356	6.766.097.290
- Giá vốn khác	-	147.757.729
<b>Cộng</b>	<b>136.902.947.156</b>	<b>103.345.039.040</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.203.262.983	280.283.797
- Lãi chênh lệch tỷ giá	737.425.483	103.125
<b>Cộng</b>	<b>1.940.688.466</b>	<b>280.386.922</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	5.858.783.384	15.008.747.581
- Chi phí lãi thuê tài chính	2.267.392.972	3.382.386.974
- Lãi của khoản nợ chuyển đổi	4.436.119.835	4.283.474.103
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	773.789.178	4.583.912.037
- Chi phí tài chính khác	50.000.000	30.555.556
<b>Cộng</b>	<b>13.386.085.369</b>	<b>27.289.076.251</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	38.367.609.756	26.815.402.498
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.277.523.295	4.326.097.999
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.730.125.527	3.210.216.024
- Thuế, phí và lệ phí	109.955.666	108.442.744
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
+ Chi phí tiền điện, sửa chữa	8.998.098.830	8.083.565.730
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	5.025.841.918	2.321.897.112
- Chi phí bằng tiền khác	5.786.084.960	5.738.670.178
<b>Cộng</b>	<b>70.295.239.952</b>	<b>50.604.292.285</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ bán công cụ và bồi thường vật chất	156.300.000	89.936.240
- Thu nhập khác	78.997.243	60.026.993
<b>Cộng</b>	<b>235.297.243</b>	<b>149.963.233</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Thù lao HĐQT và BKS	1.296.000.000	660.000.000
- Chi phí thuế phát sinh	112.005.250	3.704.541.098
- Chi phí khác	741.025.219	521.326.660
<b>Cộng</b>	<b>2.149.030.469</b>	<b>4.885.867.758</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	275.355.758.505	155.397.254.858
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.168.752.457	8.762.725.251
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.100.856.813)	(1.392.344.161)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>277.423.654.149</b>	<b>162.767.635.948</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động nhà ga	254.635.726.688	142.461.578.664
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác	22.787.927.461	20.306.057.284
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.484.730.830	35.808.879.909
Thuế TNDN được giảm	(25.463.572.669)	(15.670.773.653)
Thuế TNDN bổ sung năm 2015	108.758.837	-
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	<b>30.129.916.998</b>	<b>20.138.106.256</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	245.225.841.507	135.259.148.602
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.000.000.000	20.000.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	26.000.000.000	20.000.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	219.225.841.507	115.259.148.602
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.562.400	40.810.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.151</b>	<b>2.824</b>
(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là do phân phối lợi nhuận trong kỳ cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 và chưa bao gồm việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016.		
<b>10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	219.225.841.507	115.259.148.602
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	4.436.119.835	4.283.474.103
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	223.661.961.342	119.542.622.705
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	42.562.400	40.810.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	3.264.800	4.897.200
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	48.091.667	43.666.700
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.651</b>	<b>2.738</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.605.723.858	11.119.000.825
- Chi phí nhân công	91.839.718.090	59.616.126.398
- Chi phí khấu hao	54.428.927.118	54.107.234.832
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.410.196.380	15.575.496.661
- Chi phí khác	7.368.587.558	13.514.993.609
<b>Cộng</b>	<b>204.653.153.004</b>	<b>153.932.852.325</b>

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ- SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không - Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41)

#### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

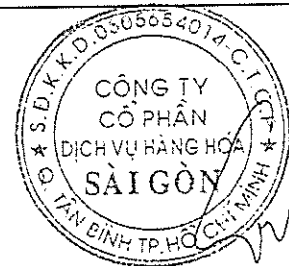
#### 3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		Thù lao	1.296.000.000
Ban Điều hành		Thu nhập	3.732.140.212

Ngô Thị Anh Thu  
Người lập biểu

Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017